

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1395*/STP-VP

Đồng Nai, ngày 30 tháng 5 năm 2018

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch số  
5023/KH-UBND ngày 21/5/2018  
của UBND tỉnh

Kính gửi:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 3, 4,

Sở Tư pháp nhận được Kế hoạch số 5023/KH-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp yêu cầu Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Trưởng phòng Công chứng số 1, 3, 4 nghiên cứu, thực hiện nghiêm Kế hoạch số 5023/KH-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

Các đơn vị truy cập địa chỉ: <http://stpdongnai.gov.vn> mục “Văn bản chỉ đạo điều hành” để xem chi tiết nội dung Kế hoạch số 5023/KH-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh. /.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngô Văn Toàn**



Số: 5023 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 5 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG SỐ: 1223	NGÀY: 23/5/2018
VĂN ĐẾN	CHUYỂN:

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 và Văn bản số 2999/LĐT BXH-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, như sau:

### Phần I

## ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ HIỆN TRẠNG CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

### I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

#### 1. Tình hình đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay

##### a) Đối tượng hưởng chính sách người có công:

- Tính đến hết năm 2017, trên địa bàn tỉnh đang quản lý và thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với 57.174 hồ sơ người có công, thân nhân người có công với cách mạng, trong đó: Thương binh 5.428 hồ sơ; bệnh binh 1.610 hồ sơ; tuất từ trần 502 hồ sơ; có công giúp đỡ cách mạng 547 hồ sơ; lão thành cách mạng 04 hồ sơ; tiền khởi nghĩa 10 hồ sơ; anh hùng lực lượng vũ trang 09 hồ sơ; người có công theo Nghị định số 69/2003/NĐ-CP là 3.609 hồ sơ; bà mẹ Việt Nam anh hùng 1.096 hồ sơ; liệt sỹ 11.623 hồ sơ; liệt sỹ theo Nghị định số 59/2003/NĐ-CP là 6.751 hồ sơ; chất độc hóa học 2.474 hồ sơ; người hoạt động kháng chiến 17.362 hồ sơ; người bị tù đày 1.243 hồ sơ; người hoạt động kháng chiến chết trước 01/01/1995 là 508 hồ sơ; thanh niên xung phong 820 hồ sơ; hưởng chế độ BCK (dân chính, liệt sỹ) 2.800 hồ sơ; hưởng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg là 234 hồ sơ; hưởng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg là 12 hồ sơ; hưởng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg (thường xuyên) là 49 hồ sơ; hưởng theo Quyết

định số 62/2011/QĐ-TTg (một lần) là 361 hồ sơ; hưởng theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg (một lần) là 122 hồ sơ.

- Bình quân người có công hưởng các loại trợ cấp ưu đãi hàng tháng: 13.825 đối tượng.

- Số người có công, thân nhân của người có công và nhóm đối tượng khác được cấp thẻ BHYT: 1.643 người.

- Hiện trạng công tác quản lý hồ sơ người có công: 57.174 hồ sơ.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội:

- Tính đến hết năm 2017, số đối tượng hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng là 74.351 cá nhân và hộ gia đình, chiếm khoảng 2,3% dân số toàn tỉnh, trong đó bao gồm:

+ Người cao tuổi: 34.626 người.

+ Người khuyết tật: 38.282 người.

+ Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: 1.443 người.

- Toàn tỉnh có 16 cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó: 03 cơ sở công lập, 13 cơ sở ngoài công lập đang quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng 1.466 đối tượng.

c) Đối tượng trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

- Tính đến hết năm 2017, trẻ em dưới 16 tuổi là trên 548.000 trẻ em, trên 11.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi: 292.506 thẻ bảo hiểm y tế (đạt 98%).

d) Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Tổng số hộ nghèo tiếp cận đa chiều là 9.616 hộ chiếm tỷ lệ 1,21%, tổng số hộ cận nghèo là 5.624 hộ chiếm tỷ lệ 0,7%.

đ) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp:

- Tính đến hết năm 2017, tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là: 2.390.106 người. Trong đó:

+ Bảo hiểm xã hội: Có 763.510 người tham gia BHXH, chiếm khoảng 46,2% lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh; trong đó đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2.569 người.

+ Bảo hiểm y tế: Có 2.387.537 người tham gia BHYT, chiếm 81,6% dân số; trong đó Nhà nước hỗ trợ mua thẻ BHYT cho 1.006.146 người, chiếm 42,1% số người tham gia.

+ Bảo hiểm thất nghiệp: Có 727.969 người tham gia BHTN, chiếm 44,1% so với lực lượng lao động.

## **2. Dự báo số lượng các nhóm đối tượng xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

a) Đối tượng người có công:

- Đến năm 2020: Người có công, thân nhân người có công với cách mạng khoảng 59.045 người.

- Tầm nhìn đến năm 2030: Người có công, thân nhân người có công với cách mạng khoảng 65.740 người.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội:

- Đến năm 2020: Khoảng 80.000 người, được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và các cơ sở bảo trợ xã hội, chiếm gần 2,5% dân số.

- Tầm nhìn đến năm 2030: Khoảng 90.000 người, được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và các cơ sở bảo trợ xã hội, chiếm gần 2,7% dân số.

c) Đối tượng trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

- Giảm tỷ lệ trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt (là trẻ em bị buôn bán, bắt cóc, ngược đãi, bị tai nạn thương tích) xuống còn 6% so với tổng số trẻ em; giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt xuống còn 1,5% và giảm ít nhất 35% số trẻ em bị xâm hại, bạo lực và bóc lột so với đầu kỳ.

- 90% trẻ em cần sự bảo vệ, chăm sóc; đảm bảo 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập và có cơ hội phát triển.

d) Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Tổng số hộ nghèo từ 10.621 hộ nghèo năm 2017 xuống 4.392 hộ năm 2020, hộ cận nghèo: Từ 5.592 hộ năm 2017 xuống còn 2.000 hộ năm 2020.

- Kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 0,4% năm 2017 xuống còn 0,03% năm 2020.

- Tầm nhìn đến 2030: Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,03%.

đ) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp:

- Đến năm 2020:

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khoảng 934.870 người, chiếm 55% lực lượng lao động.

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp khoảng 881.640 người, chiếm 52% lực lượng lao động.

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế khoảng 2.767.370 người, chiếm 90,7% dân số.

- Đến năm 2030:

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khoảng 1.223.463 người, chiếm 65,1% lực lượng lao động.

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp khoảng 1.164.550 người, chiếm 62% lực lượng lao động.

+ Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế khoảng 3.147.990 người, chiếm 93,4% dân số.

## **II. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HIỆN NAY**

### **1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về hình thành cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, trong thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện: Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; điều tra, thu thập thông tin hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có đối tượng bảo trợ xã hội; điều tra thu thập thông tin thị trường lao động; điều tra cung cầu lao động; khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo của lực lượng lao động, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo theo các loại hình doanh nghiệp... Nội dung thông tin về các nhóm đối tượng trên sau khi được thu thập đã được phân tích, lưu trữ và cập nhật một phần vào các hệ thống quản lý thông tin như: Hệ thống thông tin về thị trường lao động; hệ thống thông tin trợ giúp xã hội... đã hình thành cơ sở dữ liệu ban đầu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

### **2. Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, quản lý chính sách an sinh xã hội**

a) Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 05 năm (2015 - 2020) của tỉnh, đề ra các chỉ tiêu xã hội hàng năm:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi giảm còn 23%; cân nặng theo tuổi giảm còn 8%.
- Khoảng 55% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 40% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế.
- Giảm tỷ lệ không có việc làm ở khu vực đô thị xuống còn 2,4%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%, trong đó tỷ lệ đào tạo từ trung cấp nghề trở lên là 20%.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1% (theo chuẩn nghèo của tỉnh 2016 - 2020).

b) Ngoài ra, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo các hệ thống tiêu chí thống kê, báo cáo của các ngành trong đó có nhiều chỉ tiêu liên quan đến an sinh xã hội theo quy định của các Bộ, ngành Trung ương.

### **3. Hệ thống phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu thành phần về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, các sở, ngành như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội, Công an tỉnh đã tổ chức triển khai, bước đầu đã hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trong đó, một số hệ thống cơ sở dữ liệu được xây dựng tương đối cơ bản gồm: Bảo hiểm xã hội, thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư... các hệ thống trên được triển khai cụ thể như sau:

- a) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội và giảm nghèo:

Dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành cập nhật toàn bộ dữ liệu về đối tượng bảo trợ xã hội là 51.682 hộ trong năm 2016. Dự kiến trong năm 2018, tỉnh sẽ hoàn tất việc cập nhật dữ liệu của các năm 2016, 2017 vào hệ thống để sử dụng thường xuyên.

b) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về chính sách người có công:

- Phần mềm quản lý dữ liệu về hồ sơ người có công đã hoàn thành giai đoạn 1 bao gồm việc hoàn thành hệ thống phần mềm và số hóa 02 mảng hồ sơ là thương binh và bệnh binh.

- Tiến hành số hóa toàn bộ hồ sơ người có công trong giai đoạn 2.

c) Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về trẻ em:

Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về trẻ em đã hoàn thành và hiện đang tiến hành nhập liệu để khai thác và sử dụng.

d) Hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu lĩnh vực bảo hiểm xã hội:

Mô hình nghiệp vụ bảo hiểm xã hội được triển khai từ Trung ương cho cấp tỉnh và cấp huyện. Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh quản lý các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động lớn; bảo hiểm xã hội cấp huyện quản lý các đối tượng sử dụng lao động quy mô nhỏ, các hộ gia đình hoặc là các cá nhân. Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thống nhất sử dụng các phần mềm dùng chung trong các đơn vị thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội và đang sử dụng một số phần mềm nghiệp vụ như: Quản lý đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, hệ thống quản lý thẻ bảo hiểm y tế, quản lý thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện, quản lý thu thẻ bảo hiểm xã hội, thống kê chi phí khám chữa bệnh thẻ bảo hiểm y tế, hệ thống quản lý tài chính thẻ bảo hiểm xã hội, hệ thống quản lý tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, công tiếp nhận dữ liệu giám định thẻ bảo hiểm y tế, hệ thống giám định thẻ bảo hiểm y tế, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, phần mềm tổ chức cán bộ và thi đua khen thưởng, cổng thông tin điện tử thẻ bảo hiểm xã hội Việt Nam.

đ) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Công an tỉnh:

Thực hiện Luật Căn cước công dân, Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 13/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Công an tỉnh sẽ triển khai hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng như cập nhật mã số định danh cá nhân cho công dân và thẻ căn cước công dân theo tiến độ của Bộ Công an.

e) Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh:

- Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh đã được cải thiện một cách đáng kể. 100% cán bộ công chức tỉnh, huyện được trang bị máy tính phục vụ cho công việc, 100% các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có mạng LAN, 100% được kết nối mạng TSLCD và mạng Internet; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh để trao đổi công việc; các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa ứng dụng các phần mềm quản lý văn bản để điều hành tác nghiệp..., triển khai cấp phát chữ

ký số cho tổ chức, lãnh đạo từ cấp phòng trở lên tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc trao đổi văn bản điện tử.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 Cổng thông tin điện tử và 74 trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đang hoạt động được xây dựng và nâng cấp theo đúng tiêu chí kỹ thuật tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Trong đó 56 trang thông tin điện tử được tích hợp vào hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh nhằm đảm bảo dễ dàng quản lý, thống nhất về công nghệ, dữ liệu, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, 18 trang thông tin điện tử độc lập. Gần trang dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với 1.800 thủ tục hành chính. Trong đó tổng số thủ tục đã được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 là 410, ở mức độ 4 là 163 được cung cấp tại địa chỉ: ***dichvucong.dongnai.gov.vn***.

- Ngoài ra, Cổng thông tin điện tử của tỉnh hiện nay các website của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa đã đi vào hoạt động, được cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến các hoạt động của ngành, tích hợp hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ 1, 2, 3, 4 bước đầu mang lại hiệu quả. Hiện nay, hệ thống phần mềm hồ sơ công việc liên thông đã được nối thông suốt tới 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa. Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn đều biết sử dụng thư điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc như: Tiếp nhận, xử lý văn bản, gửi thông tin, thực hiện báo cáo thay cho văn bản giấy.... Việc ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu trong cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền, góp phần minh bạch hóa và rút ngắn khoảng cách về thời gian. Đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ cho người dân và doanh nghiệp đăng ký dịch vụ công qua mạng nhanh chóng và thuận lợi.

#### g) Nguồn nhân lực:

Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác an sinh xã hội toàn tỉnh khoảng 1.423 người làm việc tại các cơ quan tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế) và các địa phương (cấp huyện: 11 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, hơn 200 Trung tâm Y tế; 11 phòng Bảo hiểm xã hội; cấp xã: 171 đơn vị cấp xã), các cơ sở bảo trợ xã hội.

Tính đến hết 31/12/2017, tổng số cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên toàn ngành bảo hiểm xã hội là 464 người. Trong đó:

- Văn phòng Bảo hiểm xã hội tỉnh là: 209 người.

- Bảo hiểm xã hội 11 huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa là: 255 người.

h) Ngân sách dành cho ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu an sinh xã hội:

Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phần của Hệ thống cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội được đầu tư từ nhiều nguồn (chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, vốn vay, vốn tài trợ và kinh phí khác). Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thành phần của Hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh



xã hội trong giai đoạn 2016 - 2020 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt như sau:

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế do Trung ương xây dựng chuyển giao.

- Phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo do Trung ương xây dựng và định kỳ hàng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải nhập liệu.

- Phần mềm quản lý chính sách người có công do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm chủ đầu tư đang thực hiện giai đoạn 2.

#### **4. Khó khăn, vướng mắc**

a) Hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo về an sinh xã hội chưa đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, chưa có hệ thống chỉ tiêu thống kê và các thông tin đồng bộ, thống nhất về an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, chỉ có các hệ thống chỉ tiêu thống kê trong từng lĩnh vực cụ thể của các Bộ, ngành. Chưa hình thành được mã số định danh cá nhân/mã số an sinh xã hội cấp quốc gia (hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xây dựng với mục tiêu xây dựng mã số công dân, cấp cho 01 người từ lúc sinh cho đến khi chết đã được xây dựng nhưng tiến độ kéo dài đến năm 2020 mới hoàn thành). Công tác thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu còn thiếu chi tiết, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thực sự tạo điều kiện thuận tiện cho cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ xã, phường, thị trấn thực hiện, dẫn tới tình trạng tổng hợp số liệu chưa chính xác.

b) Các hệ thống phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu an sinh xã hội chưa đồng bộ, thống nhất. Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hình thành và phát triển không đồng bộ. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu hiện có chưa được chuẩn hóa, việc thu thập, cập nhật, quản lý thông tin còn mang tính đơn lẻ, chưa đầy đủ, kịp thời, độ tin cậy chưa cao, hiệu quả sử dụng thấp, chủ yếu mới đang cập nhật thông tin theo cách truyền thống. Do đó, không thể cập nhật, theo dõi biến động dẫn đến không đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, do thiếu sự phát triển đồng bộ nên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành không có sự kết nối dẫn đến không hiệu quả, tốn kém từ khâu thu thập thông tin, quản lý, khai thác, chia sẻ. Thiếu sự kết nối nên xảy ra tình trạng trùng, sai, gây lãng phí cho Nhà nước. Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu còn hạn chế.

#### **5. Sự cần thiết ban hành Kế hoạch**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng từng nhóm đối tượng, đánh giá việc cập nhật dữ liệu và việc xây dựng phần mềm để quản lý chưa đồng bộ, chưa có phần mềm quản lý an sinh xã hội chung trên địa bàn tỉnh. Để khắc phục những khó khăn trong việc cập nhật dữ liệu và quản lý đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua, cần thiết ban hành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, nhằm cập nhật đầy đủ thông tin kịp thời thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

## **Phần II**

# **MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN**

#### **1. Mục tiêu**

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực an sinh xã hội, góp phần phát triển Chính phủ điện tử.

a) Mục tiêu đến năm 2020:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, giải quyết chính sách, chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội kịp thời, công khai và minh bạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu của tỉnh phù hợp với lộ trình triển khai chính quyền điện tử góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội bao gồm thông tin cơ bản về công dân Việt Nam là đối tượng của các chính sách: Trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em, bình đẳng giới, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Hoàn thành tích hợp cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội vào hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh, sẵn sàng khai thác và chia sẻ với các đơn vị, địa phương có nhu cầu sử dụng vào giải quyết thủ tục hành chính, chính sách an sinh xã hội, nghiên cứu xây dựng chính sách về an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Định hướng đến năm 2030:

Hoàn thành cập nhật 100% thông tin các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh bao gồm: Dạy nghề, việc làm, phòng chống tệ nạn... và tiếp tục cập nhật theo thời gian thực hiện các dữ liệu mới phát sinh về an sinh xã hội; khai thác và chia sẻ với các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, giữa tỉnh và Trung ương, các địa phương khác trên cả nước có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu vào giải quyết, nghiên cứu chính sách an sinh xã hội.

#### **2. Nội dung**

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản để triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Rà soát tất cả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; các phần mềm đã và đang được triển khai trong việc quản lý thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh (bao gồm của Trung ương và địa phương).

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chủ trì vận hành và sử dụng phần mềm, các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2018.

b) Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội:

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành chủ trì vận hành và sử dụng phần mềm, các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2018.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết chính sách an sinh xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội của tỉnh:

- Tham mưu bổ sung, lồng ghép các nhiệm vụ thực hiện đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội vào giải quyết chính sách an sinh xã hội, kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch triển khai xây dựng chính phủ điện tử.

+ Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành chủ trì vận hành và sử dụng phần mềm.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Thực hiện hàng năm.

- Rà soát toàn diện hiện trạng bao gồm rà soát các chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công nghệ thông tin trong quản lý an sinh xã hội, các phần mềm đang sử dụng và đang trong giai đoạn xây dựng (từ Trung ương đến địa phương).

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

+ Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện hoàn thành trong Quý II/ 2018.

- Rà soát, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đầu vào, đầu ra; khảo sát nhu cầu chia sẻ cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xây dựng đặc tả cấu trúc dữ liệu về an sinh xã hội cần thu thập bao gồm của các hệ thống quản lý đang sử dụng (của Trung ương và của tỉnh) và các hệ thống chỉ tiêu cần bổ sung, mở rộng, đáp ứng thực tiễn quản lý của tỉnh.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban ngành có nhu cầu khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

+ Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý III/2018 (song song với nhiệm vụ rà soát các phần mềm quản lý an sinh xã hội đang sử dụng).

- Xây dựng phương án công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.
- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- + Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý IV/2018.
- Triển khai thực hiện phương án công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội được UBND tỉnh phê duyệt.
- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- + Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
- + Thời gian thực hiện: Xây dựng và triển khai thử nghiệm từ tháng 01/2019 đến hết Quý II/2019; chính thức từ Quý II/ 2019.
- Cập nhật, tích hợp thông tin đối tượng của các chính sách an sinh xã hội vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội của tỉnh:
- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- + Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
- + Thời gian thực hiện: đến năm 2019, cập nhật 100% thông tin các đối tượng thuộc các lĩnh vực đã đặt ra trong mục tiêu tới năm 2020. Sau đó tiếp tục duy trì cập nhật theo thời gian thực.
- Tích hợp hoặc cập nhật thông tin mã số định danh công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an tỉnh.
- + Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- + Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.
- + Thời gian thực hiện: Theo tiến độ của ngành Công an.
- Tích hợp cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội về cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.
- + Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;
- + Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Sở Nội vụ.
- + Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2019.
- Quản lý, bảo mật, theo dõi đánh giá tình hình khai thác cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội của tỉnh, báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội của tỉnh.

+ Thời gian thực hiện: Định kỳ hàng tháng.

đ) Xây dựng và tích hợp Trang thông tin điện tử an sinh xã hội vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh:

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019.

e) Tổ chức chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công:

- Đã thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ Bưu điện trên địa bàn từ năm 2016, tạo điều kiện tốt nhất cho đối tượng bảo trợ xã hội được nhận trợ cấp kịp thời và thuận lợi với chi phí phù hợp để đáp ứng nhu cầu giải quyết sinh hoạt hàng ngày cho đối tượng.

- Việc thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

g) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vai trò, tác dụng của mã số an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội:

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vai trò, tác dụng của sổ an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội. Đồng thời nâng cao nhận thức về trách nhiệm các cấp, các ngành và người dân trong việc thực hiện cấp sổ an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2018.

h) Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chính sách an sinh xã hội:

- Hàng năm các sở, ban, ngành, địa phương triển khai tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong việc ứng dụng, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn. Bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sử dụng thành thạo việc khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội phục vụ công tác chuyên môn và quản lý đạt kết quả. Tổ chức hướng dẫn tập huấn việc quản lý, sử dụng, cập nhật, truy xuất dữ liệu, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở

dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019.

i) Trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố trong nước đã áp dụng thành công việc sử dụng thẻ an sinh xã hội điện tử:

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành chủ trì vận hành, sử dụng phần mềm và các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

k) Giám sát, đánh giá việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội:

- Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, đề ra các biện pháp khắc phục trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hàng năm.

## **II. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Năm 2018: Sử dụng nguồn kinh phí đã được phân bổ cho ngành Lao động - Thương binh và xã hội.

2. Từ năm 2019 đến năm 2030: Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm.

## **Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tham mưu UBND tỉnh trong việc tổ chức triển khai Kế hoạch.

b) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch. Tham mưu tổng kết thực hiện kế hoạch giai đoạn 1 vào năm 2020 trước khi tiếp tục triển khai giai đoạn tiếp theo đến năm 2030, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

c) Xây dựng quy chế tạm thời về cập nhật, quản lý, vận hành và truy cập cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Nội vụ**

Chủ trì nghiên cứu, đề xuất, triển khai các phương án ứng dụng, khai thác và phát triển các tiện ích dựa trên cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trong công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

## **3. Sở Tài chính**

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, kiểm tra quyết toán việc sử dụng kinh phí đúng quy định.

## **4. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chính sách an sinh xã hội.

b) Phối hợp xây dựng trang thông tin điện tử an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

**5. Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y tế:** Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai các hoạt động thuộc lĩnh vực ngành quản lý theo nội dung của Kế hoạch.

**6.** Các sở, ban, ngành liên quan trình UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

## **7. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa**

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng tại địa phương đảm bảo kịp thời, đầy đủ và theo quy định.

c) Cập nhật thông tin các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội vào phần mềm để phục vụ cho công tác quản lý và thực hiện hiệu quả.

d) Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch với các chương trình khác liên quan trên địa bàn.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo theo quy định).

## **II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

1. Định kỳ hàng năm trước 01/12 các đơn vị tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh tổ chức tổng kết thực hiện kế hoạch giai đoạn 1 vào năm 2020; trên cơ sở đó xây dựng đề xuất phương án tiếp tục thực hiện đến năm 2030.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Y tế, Tài chính, Tư pháp, Công an tỉnh, BHXH tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hòa Hiệp**